TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Huyền Thảo

Bà Thạch Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1996

Địa chỉ: USA.

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Trần Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/4/2019. Sau khi kết hôn chị sinh sống, làm việc tại Hoa Kỳ còn anh T thì ở Việt Nam, do tình hình dịch bệnh nên chị không thường xuyên về Việt Nam được, từ đó vợ chồng dần có khoảng cách, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, anh chị thường tranh chấp cự cãi nhau, do hai người ở hai nước khác nhau không thể hàn gắn được. Chị nhận thấy hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc T; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Trần Quốc T trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị A. Anh và chị A do quen biết tự nguyện đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định, việc kết hôn là do tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị A sinh sống tại Hoa Kỳ còn anh ở Việt Nam, một năm A chỉ về Việt Nam được một lần nên tình cảm vợ chồng phai nhạt,

không chia sẽ được nhiều chuyện trong cuộc sống, Ngoài ra bản thân anh ăn chơi gây nợ, anh không muốn làm ảnh hưởng đến chị A, anh đồng ý ly hôn với chị A; thời gian chung sống anh chị không có con chung, không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ. Hiện nay anh đi làm ở xa, không về được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Do chị Nguyễn Thị A, anh Trần Quốc T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt nên vụ kiện đã được Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị A và anh Trần Quốc T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nay chị A yêu cầu ly hôn, anh T cũng thống nhất ly hôn với chị A. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, cho chị A và anh T được ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc T, do chị A có nơi cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Quốc T kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị A, anh T là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc, cuộc sống. Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị A, anh T không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, chỉ liên lạc trao đổi qua điện thoại nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Chị A, anh T đều có ý kiến là đồng ý ly hôn với nhau, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, đúng pháp luật, nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Nguyễn Thị A và anh Trần Quốc T được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Cả chị A và anh T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên. Vì vậy chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008814 ngày 21/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị A đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TpHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan